

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162 /2018/HNGĐ - ST

Ngày 12 /10 /2018

V/v : “ Tranh chấp về ly hôn,
về nuôi con chung ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng V

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quý H
2. Ông Lê Văn L

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị V - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- **Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu T.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 49 /2018/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2018; về việc: “ Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147 /2018/QĐXX - HN, ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đinh Thị T - sinh năm 1982; nơi cư trú: Làng O, xã M, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định

2. *Bị đơn:* Đinh Văn T - sinh năm 1977; nơi cư trú: Làng O, xã M, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày: Vào năm 2007, chị T và anh Th cùng đi làm rẫy đã gặp và quen nhau. Qua tìm hiểu một thời gian 06 tháng, hai người tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào tháng 12 năm 2010 tại UBND xã M, có tổ chức cưới. Vợ chồng chị có hai con chung là Đinh Thị Thủy T - sinh ngày 28 /3 /2007, Đinh Thị Hương G - sinh ngày 14

/8 /2012. Do trong quá trình cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn, anh Th thường xuyên uống say về đánh chị nhiều lần, đến nay chị T chịu không nổi nên đã đưa các con về phía mẹ ruột ở xã T sống ly thân với anh Th đã 02 năm nay. Tại Tòa án, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh Th, chị yêu cầu nuôi 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị T không yêu cầu giải quyết; vợ chồng không nợ ai.

- Bên bị đơn anh Đinh Văn Th trình bày: Anh Th hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị T tại Tòa án, anh Th không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung, anh Th chấp nhận để các con chung ở với chị T; về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu gì; về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Vào năm 2007, chị T và anh Th cùng đi làm rẫy đã gặp và quen nhau; qua tìm hiểu một thời gian 06 tháng, hai người tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào tháng 12 năm 2010 tại UBND xã M, có tổ chức cưới. Vợ chồng chị có hai con chung là Đinh Thị Thủy T - sinh ngày 28 /3 /2007, Đinh Thị Hương G - sinh ngày 14 /8 /2012. Do trong quá trình cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn, anh Th thường xuyên uống say về đánh chị nhiều lần, đến nay chị T chịu không nổi nên đã đưa các con về phía mẹ ruột ở xã T sống ly thân với anh Th đã 02 năm nay là thực tế. Tại Tòa án, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh Th, chị yêu cầu nuôi 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị T không yêu cầu giải quyết; vợ chồng không nợ ai .

- Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân đã thụ lý vụ án và xác định đây là “ Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung ” được Pháp luật qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Tòa án đã tiến hành việc giao nhận tài liệu, chứng cứ; xác minh, thu thập chứng cứ được qui định tại các Điều 96, 97, 98, 99, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tiến hành các bước mở phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại các Điều 179, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn chị T, thì thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người đã không sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay nên có kéo dài quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị T đã cung cấp đơn và có xác nhận của địa phương về quá trình phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị T yêu cầu xin ly hôn anh Th; Hội đồng xét xử xét có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi 02 con chung, theo chị T trình bày thì lâu nay các con chung đều ở với chị, ăn học ổn định, anh Th luôn uống say nên không đảm bảo việc chăm sóc con chung. Tại Tòa án, con chung Đinh Thị Thủy T có nguyện

vọng ở với mẹ, anh Th cũng chấp nhận để các con chung ở với mẹ; Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của chị T là phù hợp.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

[3]. Xét yêu cầu của bị đơn anh Th: Tại Tòa án, anh Th thừa nhận tình cảm vợ chồng giữa anh Th và chị T không còn, thực tế hai người đã không sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Anh Th không chấp nhận việc vợ anh xin ly hôn nhưng anh không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh cho tình cảm của anh đối với chị T. Do vậy, có thể kéo dài quan hệ vợ chồng thì cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử xét không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Th.

Về con chung: Tại Tòa án, anh Th đồng ý để các con chung ở với mẹ; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T.

Về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu gì; về nợ chung: Không có.

[4]. Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của bị đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Tòa án; Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Từ các căn cứ và nhận định trên; Hội đồng xét xử xét cần tuyên như sau:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị T đối với anh Đinh Văn Th.

- Về nuôi con chung: Chấp nhận và giao 02 con chung tên Đinh Thị Thủy T - sinh ngày 28 /3 /2007, Đinh Thị Hương G - sinh ngày 14 /8 /2012 cho chị T nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con chung; anh Th được quyền thăm nom, săn sóc con chung là hoàn toàn phù hợp với qui định tại các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6]. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; cần tuyên buộc chị T nộp án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện và yêu cầu của chị Đinh Thị T được ly hôn anh Đinh Văn Th.

- Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Đinh Văn Th.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Đinh Thị Thủy T - sinh ngày 28 /3 /2007, Đinh Thị Hương G - sinh ngày 14 /8 /2012 cho chị T nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con chung; anh Th được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị T nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0007560 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

4. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Theo Điều 269 BLTTDS;

- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa